

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
ĐÌNH VŨ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

112506
NG T
HIỆM HỮ
ĐITT
NAI
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hữu An	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Hữu Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2012)
Ông Nguyễn Tiên Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Bằng	Thành viên
Ông Đỗ Huy Thế	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Bằng	Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Phách	Phó Giám đốc
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Hùng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

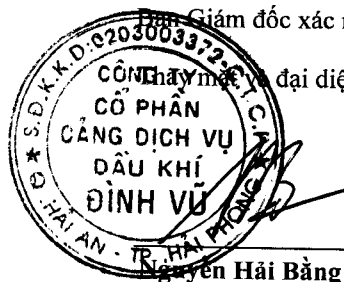
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hải Bằng
Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Số: 580 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 23. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Thị Ngọc Hà
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1960/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A. (100=110+130+140+150)	100		105.474.987.166	141.345.863.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.377.184.145	93.891.671.736
1. Tiền	111		5.522.141.610	8.483.338.403
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.855.042.535	85.408.333.333
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.065.110.867	41.227.076.557
1. Phải thu khách hàng	131		44.957.031.635	37.939.477.354
2. Trả trước cho người bán	132	6	14.240.284.551	138.462.500
3. Các khoản phải thu khác	135		1.970.189.353	3.323.077.593
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(102.394.672)	(173.940.890)
III. Hàng tồn kho	140		4.013.436.065	4.072.900.057
1. Hàng tồn kho	141		4.013.436.065	4.072.900.057
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.019.256.089	2.154.215.392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.201.770.516	1.887.563.172
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.817.485.573	266.652.220
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		506.683.862.559	465.189.903.978
I. Tài sản cố định	220		333.616.367.677	291.400.434.642
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	333.611.761.124	286.967.622.419
- Nguyên giá	222		387.698.761.161	324.306.008.634
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.087.000.037)	(37.338.386.215)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	4.606.553	140.622.223
- Nguyên giá	228		225.600.000	206.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(220.993.447)	(65.477.777)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	4.292.190.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	36.757.041.723	37.500.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		37.500.000.000	37.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(742.958.277)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		136.310.453.159	136.289.469.336
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	136.310.453.159	136.289.469.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		612.158.849.725	606.535.767.720

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		302.535.831.638	314.597.773.673
I. Nợ ngắn hạn	310		56.110.861.888	66.902.939.027
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	29.000.000.000	27.963.509.160
2. Phải trả người bán	312		15.335.089.161	13.807.844.507
3. Người mua trả tiền trước	313		-	327.411.998
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		99.301.635	108.795.357
5. Phải trả người lao động	315		645.390.747	1.969.174.098
6. Chi phí phải trả	316	12	9.295.885.777	12.330.870.479
7. Phải trả nội bộ	317		879.221.800	8.765.767.393
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		663.362.533	1.624.055.800
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		192.610.235	5.510.235
II. Nợ dài hạn	330		246.424.969.750	247.694.834.646
1. Phải trả dài hạn khác	333		38.000.000	38.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	11	246.386.969.750	247.423.460.590
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	13	-	233.374.056
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		309.623.018.087	291.937.994.047
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	309.623.018.087	291.937.994.047
1. Vốn điều lệ	411		330.000.000.000	313.398.975.449
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(140.000.000)	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(136.507.987)
4. (Lỗ) lũy kế	420		(20.236.981.913)	(21.324.473.415)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		612.158.849.725	606.535.767.720

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ		
+ USD	7.759	137.649
+ EUR	275	262



Lương Quốc Phương
 Người lập biểu

Ngày 08 tháng 3 năm 2013



Đặng Kiến Nghiệp
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Bằng
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	15	133.821.264.269	183.527.029.659
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	95.277.742.447	146.941.504.721
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.543.521.822	36.585.524.938
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.016.772.922	2.548.277.256
5. Chi phí tài chính	22	17	36.090.547.535	52.860.304.451
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.587.057.708	52.401.925.888
6. Chi phí bán hàng	24		1.334.809.193	1.373.089.314
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.288.632.595	8.775.807.355
8. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		846.305.421	(23.875.398.926)
9. Thu nhập khác	31		671.212.074	611.420.796
10. Chi phí khác	32		430.025.993	(81.706.702)
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		241.186.081	693.127.498
12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.087.491.502	(23.182.271.428)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	327.853.296
14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.087.491.502	(23.510.124.724)
15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	18	33	(1.007)



Lương Quốc Phương
 Người lập biểu

Ngày 08 tháng 3 năm 2013



Đặng Kiến Nghiệp
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Bằng
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

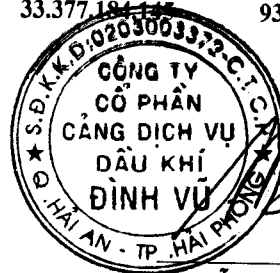
CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	1.087.491.502	(23.182.271.428)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.904.129.492	16.169.961.450
Các khoản dự phòng	03	671.412.059	(4.254.852)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(168.291)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(7.990.432.464)	(2.033.934.513)
Chi phí lãi vay	06	33.587.057.708	52.401.925.888
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	44.259.490.006	43.351.426.545
Thay đổi các khoản phải thu	09	(9.924.492.025)	(20.631.016.961)
Thay đổi hàng tồn kho	10	59.463.992	(2.619.603.218)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.688.285.855)	8.873.549.233
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.335.191.167)	2.178.717.930
Tiền lãi vay đã trả	13	(35.167.695.064)	(45.491.696.080)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(702.735.074)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	122.890.000	295.936.640
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(935.790.000)	(295.936.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.609.610.113)	(15.041.357.625)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(70.204.793.064)	(5.966.781.750)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.698.627.595	1.362.909.335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(61.506.165.469)	(4.603.872.415)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	16.601.024.551	85.006.785.449
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.601.024.551	85.006.785.449
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(60.514.751.031)	65.361.555.409
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	93.891.671.736	28.553.864.853
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	263.440	(23.748.526)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	33.377.184.145	93.891.671.736



Lương Quốc Phương
 Người lập biểu



Đặng Kiến Nghiệp
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Bằng
 Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 40 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 02221000007 ngày 09 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Hải Phòng cấp; Giấy phép kinh doanh số 0204000112 ngày 02 tháng 01 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết UPCoM với mã cổ phiếu là PSP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 195 người (31 tháng 12 năm 2011: 182 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là vận tải hàng hoá bằng đường bộ, vận tải đường thủy, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải, cho thuê xe có động cơ, cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu ích khác, hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác như vận hành, khai thác cụm cảng container và các dịch vụ căn cứ hậu cần phục vụ hoạt động dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay và nợ và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012 (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 30
Máy móc và thiết bị	8 - 20
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm vi tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm vi tính là 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước tiền thuê 138.269 m² đất tại Khu Công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Cầu Cảng phục vụ Khu công nghiệp Đình Vũ và Dịch vụ Dầu Khí tổng hợp, thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Chi phí thuê đất được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 466 tháng kể từ ngày bắt đầu sử dụng đất đến hết thời gian thuê.

Quyền sử dụng đất tại lô CN2.1A, khu Công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với số tiền 3.392.190.000 đồng do Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn Gia súc (Proconco) góp theo thỏa thuận giữa hai công ty theo Nghị quyết số 58/NQ-PTSCĐV-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2011. Chi phí thuê đất được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 418 tháng kể từ ngày bắt đầu sử dụng đất đến hết thời gian thuê.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại trong quá trình xây dựng cơ bản được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị của Công ty hoàn thành, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được kết chuyển sang “Chi phí trả trước dài hạn” và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 5 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hối tố Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ giảm 136.507.987 VND và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ tăng 136. 507.987 VND và số dư khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 sẽ tăng 136.507.987 VND. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm đầu kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% trong những năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế do không chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của khoản mục này.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	660.193.432	929.210.900
Tiền gửi ngân hàng	4.861.948.178	7.554.127.503
Các khoản tương đương tiền (i)	27.855.042.535	85.408.333.333
	<u>33.377.184.145</u>	<u>93.891.671.736</u>

(i): Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, Ngân hàng Á Châu và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty cổ phần khu công nghiệp Đình Vũ (i)	14.101.024.551	-
Nhà cung cấp khác	139.260.000	138.462.500
	<u>14.240.284.551</u>	<u>138.462.500</u>

(i) Phản ánh khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ theo Hợp đồng số DVIZJSC.037.2011.MKG.LLC được ký ngày 27 tháng 12 năm 2011 giữa với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ về việc thuê khu đất rộng 12.106 mét vuông trong khu đất CN2.1B. Hiện tại, khu đất đang trong giai đoạn hoàn thiện mặt bằng để tiến hành bàn giao cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	229.805.865.203	61.402.515.359	32.368.787.552	728.840.520	324.306.008.634
Mua trong năm	-	61.388.854.042	920.680.000	178.117.502	62.487.651.544
Tặng khác	905.100.983	-	-	-	905.100.983
Tại ngày 31/12/2012	230.710.966.186	122.791.369.401	33.289.467.552	906.958.022	387.698.761.161
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	22.414.259.716	6.999.294.972	7.587.962.804	336.868.723	37.338.386.215
Tăng trong năm	9.921.379.308	3.478.205.078	3.214.027.332	135.002.104	16.748.613.822
Tại ngày 31/12/2012	32.335.639.024	10.477.500.050	10.801.990.136	471.870.827	54.087.000.037
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	198.375.327.162	112.313.869.351	22.487.477.416	435.087.195	333.611.761.124
Tại ngày 31/12/2011	207.391.605.487	54.403.220.387	24.780.824.748	391.971.797	286.967.622.419

Như trình bày tại Thuyết minh số 11 - Vay và nợ dài hạn, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải nằm trong giá trị đầu tư của dự án với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 256.110.362.490 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 270.712.488.464 đồng) để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	206.100.000
Tăng trong năm	19.500.000
Tại ngày 31/12/2012	225.600.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	65.477.777
Khấu hao trong năm	155.515.670
Tại ngày 31/12/2012	220.993.447
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	4.606.553
Tại ngày 31/12/2011	140.622.223

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác (i)	37.500.000.000	37.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)	(742.958.277)	-
	36.757.041.723	37.500.000.000

(i) Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) trong năm 2010 bằng tiền mặt, tài sản gắn liền với đất thuê, lợi thế quyền thuê đất tại số 441 (số cũ 427) đường Đà Nẵng, phường Đông Hải I, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với tổng giá trị đầu tư là 37.500.000.000 đồng.

(ii) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu thập báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để xem xét, đánh giá lập trích dự phòng cho khoản đầu tư của Công ty tại công ty này. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này với số tiền 742.958.277 đồng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 07 tháng 12 năm 2009.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Giá trị quyền sử dụng đất	132.324.625.979	132.737.859.581
Duy tu, nạo vét khu nước bến cầu tàu	420.864.684	1.683.458.772
Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản	799.922.127	1.251.669.759
Khác	2.765.040.369	616.481.224
	136.310.453.159	136.289.469.336

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	251.671.582.431	251.671.582.431
Chi phí lãi vay	23.715.387.319	23.715.387.319
	<u>275.386.969.750</u>	<u>275.386.969.750</u>

(i) Đây là khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng ký với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) - Chi nhánh Hải Phòng. Theo đó, tổng giá trị khoản vay có thể đạt đến 266.737.093.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 năm, ân hạn nợ gốc 3 năm và ân hạn nợ lãi 02 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay là để đầu tư xây dựng nhà xưởng, cầu cảng, kho bãi và mua sắm thiết bị cho Dự án “Đầu tư xây dựng Cầu Cảng phục vụ Khu công nghiệp Đình Vũ và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp”. Lãi suất được xác định 3 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng của VCB cộng (+) 0,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải nằm trong giá trị đầu tư của dự án. Theo Hợp đồng vay và Phụ lục hợp đồng số PL07-19/TT-DH/PVFCHP08 ngày 22 tháng 2 năm 2012, từ năm 2013 đến năm 2014, Công ty sẽ trả cho PVFC - Chi nhánh Hải phòng mỗi năm 29 tỷ đồng. Sau thời điểm này, hai bên sẽ tiếp tục đàm phán lịch trả nợ mới.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	29.000.000.000	27.963.509.160
Trong năm thứ hai	29.000.000.000	27.963.509.160
Sau hai năm	193.671.582.431	195.744.564.111
	<u>251.671.582.431</u>	<u>251.671.582.431</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	29.000.000.000	27.963.509.160
Số phải trả sau 12 tháng	<u>222.671.582.431</u>	<u>223.708.073.271</u>

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay phải trả	8.269.262.411	9.849.899.767
Chi phí phải trả khác	1.026.623.366	2.480.970.712
	<u>9.295.885.777</u>	<u>12.330.870.479</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM**

Tại ngày lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguồn Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp được trích lập hàng năm dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính còn số dư (sau khi đã chi trợ cấp mất việc trong năm 2012) nên Công ty đã hạch toán tăng chỉ tiêu thu nhập khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số tiền 212.170.056 đồng theo hướng dẫn của Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn điều lệ	(Lỗ) lũy kế	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư vốn cổ phần	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	225.000.000.000	2.185.651.309	126.976.265	-	227.312.627.574
Vốn góp trong năm	88.398.975.449	-	-	-	88.398.975.449
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(263.484.252)	-	(263.484.252)
Lỗ trong năm	-	(23.510.124.724)	-	-	(23.510.124.724)
Số dư tại ngày 01/01/2012	313.398.975.449	(21.324.473.415)	(136.507.987)	-	291.937.994.047
Vốn góp trong năm	16.601.024.551	-	-	-	16.601.024.551
Chênh lệch tỷ giá	-	-	136.507.987	-	136.507.987
Lợi nhuận trong năm	-	1.087.491.502	-	-	1.087.491.502
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	-	-	(140.000.000)	(140.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	330.000.000.000	(20.236.981.913)	-	(140.000.000)	309.623.018.087

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 484.585.831.000 đồng và 330.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các cổ đông đã góp đủ số vốn điều lệ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2012		31/12/2011	
	%	VND	%	VND
Tổng Công ty Cổ phần				
Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50,61%	167.000.000.000	53,28%	167.000.000.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	11,36%	37.500.000.000	11,17%	35.000.000.000
Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc (Proconco)	6,56%	21.646.000.000	2,41%	7.544.975.449
Vốn góp của các đối tượng khác	31,47%	103.854.000.000	33,14%	103.854.000.000
	100%	330.000.000.000	100%	313.398.975.449

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.000.000	31.339.898
+ Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	31.339.898

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

15. DOANH THU

	2012	2011
	VND	VND
Dịch vụ căn cứ Cảng	121.470.124.719	107.107.900.849
Dịch vụ kinh doanh bán lẻ nhiên liệu	1.617.521.911	1.191.729.270
Dịch vụ khác (i)	10.733.617.639	75.227.399.540
	133.821.264.269	183.527.029.659

(i) Dịch vụ khác bao gồm các dịch vụ cung cấp nhân lực, cho thuê tàu, cung cấp dầu v.v...

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012	2011
	VND	VND
Dịch vụ căn cứ Cảng	84.837.716.175	73.983.958.931
Dịch vụ kinh doanh bán lẻ nhiên liệu	1.596.112.584	1.136.392.348
Dịch vụ khác	8.843.913.688	71.821.153.442
	95.277.742.447	146.941.504.721

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	33.587.057.708	52.401.925.888
Chênh lệch tỷ giá phân bổ	451.747.632	451.747.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.308.783.918	6.630.931
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	742.958.277	-
	36.090.547.535	52.860.304.451

18. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012	2011
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	1.087.491.502	(23.510.124.724)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.087.491.502	(23.510.124.724)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	32.814.470	23.347.507
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	33	(1.007)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.542.387.755	4.678.777.435
Chi phí nhân công	21.510.235.177	17.768.037.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.904.129.492	16.169.961.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.438.955.935	112.529.110.922
Chi phí khác bằng tiền	4.505.475.876	5.944.513.917
	104.901.184.235	157.090.401.390

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, chênh lệch tỷ giá hối đoái, lỗ lũy kế và thặng dư vốn cổ phần).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	275.386.969.750	275.386.969.750
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	33.377.184.145	93.891.671.736
Nợ thuần	242.009.785.605	181.495.298.014
Vốn chủ sở hữu	309.623.018.087	291.937.994.047
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	78%	62%

Các khoản vay bao gồm các khoản vay dài hạn và vay dài hạn đến hạn trả.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.377.184.145	93.891.671.736
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.824.826.316	41.088.614.057
Đầu tư dài hạn khác	36.757.041.723	37.500.000.000
Tổng cộng	116.959.052.184	172.480.285.793
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	275.386.969.750	275.386.969.750
Phải trả người bán và phải trả khác	15.568.595.999	14.814.257.229
Phải trả nội bộ	879.221.800	8.765.767.393
Chi phí phải trả	9.295.885.777	12.330.870.479
Công nợ tài chính khác	38.000.000	38.000.000
Tổng cộng	301.168.673.326	311.335.864.851

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	-	-	313.840.868	6.021.833.641
<i>Euro (EUR)</i>	-	-	7.521.263	7.079.145

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	31.384.087	602.183.364
<i>Euro (EUR)</i>	752.126	707.914

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 sẽ giảm/tăng 5.033.431.649 đồng (2011: 5.033.431.649 đồng).

	Tăng/ Giảm lãi suất	Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND		
VND	+200	5.033.431.649
	(200)	(5.033.431.649)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND		
VND	+200	5.033.431.649
	(200)	(5.033.431.649)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trong năm thứ hai</u>	<u>Trên 2 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.377.184.145	-	-	33.377.184.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.824.826.316	-	-	46.824.826.316
Đầu tư dài hạn khác	-	-	36.757.041.723	36.757.041.723
Tổng cộng	80.202.010.461	-	36.757.041.723	116.959.052.184
31/12/2012				
Các khoản vay và nợ	29.000.000.000	32.513.390.720	213.873.579.030	275.386.969.750
Phải trả người bán và phải trả khác	15.568.595.999	-	-	15.568.595.999
Phải trả nội bộ	879.221.800	-	-	879.221.800
Chi phí phải trả	9.295.885.777	-	-	9.295.885.777
Công nợ tài chính khác	-	-	38.000.000	38.000.000
Tổng cộng	54.743.703.576	32.513.390.720	213.911.579.030	301.168.673.326
Chênh lệch thanh khoản thuần	25.458.306.885	(32.513.390.720)	(177.154.537.307)	(184.209.621.142)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trong năm thứ hai</u>	<u>Trên 2 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.891.671.736	-	-	93.891.671.736
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.088.614.057	-	-	41.088.614.057
Đầu tư dài hạn khác	-	-	37.500.000.000	37.500.000.000
Tổng cộng	134.980.285.793	-	37.500.000.000	172.480.285.793
31/12/2011				
Các khoản vay và nợ	27.963.509.160	28.114.577.861	219.308.882.729	275.386.969.750
Phải trả người bán và phải trả khác	14.814.257.229	-	-	14.814.257.229
Phải trả nội bộ	8.765.767.393	-	-	8.765.767.393
Chi phí phải trả	12.330.870.479	-	-	12.330.870.479
Công nợ tài chính khác	-	-	38.000.000	38.000.000
Tổng cộng	63.874.404.261	28.114.577.861	219.346.882.729	311.335.864.851
Chênh lệch thanh khoản thuần	71.105.881.532	(28.114.577.861)	(181.846.882.729)	(138.855.579.058)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ

Khu Công nghiệp Đình Vũ, Đông Hải II, Hải An

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:*

	2012	2011
	VND	VND
Nhận góp vốn từ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	50.000.000.000
Nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Container Việt Nam	2.500.000.000	-
Nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất thức ăn Gia súc	14.101.024.551	-
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	33.587.057.708	52.401.925.888
Mua tài sản cố định của PTSC Quảng Ngãi	-	12.293.793.835

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách và Ban Giám đốc

Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.094.842.289	1.426.922.303
--	---------------	---------------

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	20.085.843.457	88.835.459
Vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	251.671.582.431	251.671.582.431
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	31.984.649.730	33.565.287.086
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	879.221.800	8.765.767.393

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.


Lương Quốc Phương
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 3 năm 2013


Đặng Kiến Nghiệp
Kế toán trưởng**Nguyễn Hải Bằng**
Giám đốc
